TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày: 24-5-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Ông Nguyễn Thanh Cần.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thuyến- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 47/2022/TLST-DS ngày 01/3/2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST–DS ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại NPP; địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Tươi, khu phố Tân Hiệp, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc O – Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; có mặt

Bị đơn:

- Ông Trịnh Trung K, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 2, khu phố An Thành, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt

- Bà Phạm Thị G, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 2, khu phố An Thành, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc O trình bày:

Thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2020, Công ty TNHH Thương mại NPP (Công ty) có bán cho vợ chồng ông Trịnh Trung K, bà Phạm Thị G hàng hóa là vật liệu xây dựng. Hai bên không làm hợp đồng mua bán bằng văn bản, chỉ hợp đồng bằng lời nói với nhau. Số lượng, khối lượng, giá hàng hóa được

thể hiện trong hóa đơn bán lẻ mỗi lần giao nhận hàng. Hai bên thống nhất phương thức thanh toán là hằng tuần hai bên sẽ đối chiếu số lượng, khối lượng hàng hóa mua bán nhân với đơn giá làm cơ sở để bên mua thanh toán cho bên bán.

Theo đó trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2020, vợ chồng ông K, bà G đã nhiều lần mua vật liệu xây dựng của Công ty. Tính đến ngày 10/10/2020 vợ chồng ông K, bà G còn nợ tổng số tiền 169.777.500 đồng. Ông K, bà G cam kết đến hết ngày 12/01/2021 sẽ thanh toán đầy đủ số tiền còn thiếu cho Công ty.

Tuy nhiên đến ngày 12/01/2021, vợ chồng ông K, bà G chỉ thanh toán được một phần và còn nợ số tiền là 86.754.000 đồng. Để thể hiện thiện chí của mình, Công ty đồng ý gia hạn thêm thời gian trả nợ cho ông K, bà G đến ngày 12/4/2021.

Trong suốt thời gian vừa qua, rất nhiều lần Công ty yêu cầu phía ông K, bà G thanh toán dứt điểm cho Công ty nhưng phía ông K, bà G chỉ hứa hẹn mà không chịu thanh toán. Do đó Công ty khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông K, bà G phải thanh toán số tiền còn nợ gốc là 86.754.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị G trình bày:

Bà Phạm Thị G và ông Trịnh Trung K có quan hệ vợ chồng. Vợ chồng bà sinh sống tại phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng bà có mua vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Thương mại NPP và còn thiếu nợ số tiền 86.754.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên thời gian vừa qua do dịch bệnh kéo dài, kinh tế gia đình khó khăn nên chưa có tiền để thanh toán hết khoản nợ cho Công ty như cam kết. Hiện tại vợ chồng bà không có đủ tiền để thanh toán một lần cho Công ty và xin được trả dần hàng tháng cho đến khi hết khoản nợ nêu trên.

Riêng đối với bị đơn ông Trịnh Trung K không đến Tòa án, không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định. Riêng bị đơn ông Trịnh Trung K không đến Tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc vợ chồng ông Trịnh Trung K, bà Phạm Thị G phải thanh toán nợ cho Công ty TNHH Thương mại NPP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền còn nợ sau khi mua vật liệu xây dựng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bị đơn ông Trịnh Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông Trịnh Trung K.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH NPP yêu cầu các bị đơn ông Trịnh Trung K, bà Phạm Thị G phải thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 86.754.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp các chứng cứ gồm các hóa đơn bán lẻ, biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký của ông Trịnh Trung K, bà Phạm Thị G. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập ông Trịnh Trung K, bà Phạm Thị G nhưng ông Trịnh Trung K không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chỉ có lời khai của bà Phạm Thị G, bà G thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Trịnh Trung K không đến Tòa án, cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, quyền, nghĩa vụ chứng minh. Xét thấy bà Phạm Thị G và ông Trịnh Trung K có quan hệ vợ chồng với nhau, tuy ông K không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Phạm Thị G có ý kiến thống nhất với trình bày của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2020 giữa nguyên đơn, bị đơn xác lập hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, khoản tiền vợ chồng ông K, bà G còn thiếu nợ Công ty TNHH Thương mại NPP là 86.754.000 đồng. Do bị đơn đã thừa nhận nên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điều 440 của Bộ luật Dân sự, bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán. Do vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền hàng còn thiếu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 3 Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 160, Điều 200, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 3, Điều 119 và Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại NPP về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với bị đơn ông Trịnh Trung K, bà Phạm Thị G:

Buộc ông Trịnh Trung K, bà Phạm Thị G phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại NPP số tiền nợ gốc là 86.754.000 đồng (Tám mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trịnh Trung K, bà Phạm Thị G phải chịu 4.337.700 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại NPP tạm ứng án phí số tiền 2.169.000 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0005768 ngày 24/02/2022.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Hưởng